

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Khánh L, sinh năm 1994.

ĐKHKT: Tổ 11, phố H, phường B, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 7, phố B1, phường B2, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc V2, sinh năm 1993.

ĐKHKT: Tổ 7, phố B1, phường B2, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Đỗ Khánh L và anh Nguyễn Ngọc V2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Đỗ Khánh L và anh Nguyễn Ngọc V2 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn M, sinh ngày 01/5/2017 và cháu Nguyễn Minh A, sinh ngày 13/7/2019. Khi ly hôn chị L và anh V2 thống nhất và đồng ý giao cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu Nguyễn Tuấn M và Nguyễn Minh A. Anh V2 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung chị Hương mỗi cháu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/1 tháng, hai cháu là 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/tháng kể từ tháng 6/2022 đến khi các cháu thành niên.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Đỗ Khánh L và anh Nguyễn Ngọc V2 thống nhất không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Đỗ Khánh L tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V2. Tổng cộng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0009372 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP V;
- UBND phường B;
- Lưu: HS- VP.

THẨM PHÁN

Phạm Hồng Vân